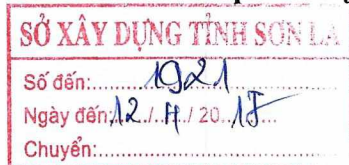


Số: 724/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 31 tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Bệnh viện đa
khoa 500 giường tỉnh Sơn La



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về
lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 76/TTr-SXD ngày
21/3/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Bệnh viện
đa khoa 500 giường tỉnh Sơn La với những nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Bệnh viện đa khoa
500 giường tỉnh Sơn La

2. Ranh giới và quy mô diện tích lập quy hoạch

- Theo hồ sơ quy hoạch chi tiết xây dựng Trục đô thị Chiềng Sinh – Nà Sản,
khu đất được giới hạn như sau:

- + Phía Đông Bắc giáp đường quy hoạch có Bn = 16,5m;
- + Phía Đông Nam giáp Đất công trình công cộng và Đất Cây xanh;
- + Phía Tây Bắc giáp đất Ồ;
- + Phía Tây Nam giáp đường Quốc lộ 6 mới.

- Quy mô diện tích lập quy hoạch: Khoảng **13,68 ha.**

- Quy mô đo vẽ khảo sát địa hình: Khoảng **15,0 ha.**

3. Tính chất, chức năng

- Là Bệnh viện đa khoa 500 giường của tỉnh đạt chuẩn cấp khu vực.

- Là trung tâm chuyên giao về công nghệ y tế của tỉnh và vùng Tây Bắc.

4. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan đô thị

4.1. Phương án tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

- Về tổ chức không gian kiến trúc và hình thức kiến trúc đảm bảo sự hài hoà chung của khu vực, tạo bộ mặt kiến trúc mới hiện đại; có sự thống nhất về giải pháp kiến trúc tổng thể, tránh sự pha trộn nhiều phong cách khác nhau. Chú ý đến hình thức kiến trúc mang đường nét tinh tế đơn giản, phù hợp với chức năng của một bệnh viện với mục tiêu xây dựng một bệnh viện hoàn chỉnh theo mô hình bệnh viện vệ sinh, xanh - sạch - đẹp, thân thiện với môi trường.

- Việc tổ chức giao thông nội bộ có sự phân luồng theo dây chuyền công năng của bệnh viện tại các nút mở cần bố trí công trình tạo hướng nhìn, thuận tiện nhất cho việc tiếp xúc với công trình và không làm khuất tầm nhìn.

4.2. Bố cục không gian kiến trúc cảnh quan

4.2.1. Khu bệnh viện

Được thiết kế theo các mô đun hợp khối có kiến trúc hiện đại với điểm nhấn là các công trình: Khối nhà khoa cấp cứu, khám và điều trị ngoại trú; khối điều trị nội trú; khối Hành chính – kỹ thuật nghiệp vụ cao từ 3÷7 tầng và được kết nối mặt thiết với nhau bằng hệ thống hành lang cầu.

- Khu Khoa Lao, Khoa truyền nhiễm, Khu Nhà tang lễ được bố trí tại cuối khu đất và được cách ly với các khu còn lại bằng dải cây xanh; riêng Khu Nhà tang lễ được xây tường phân khu xung quanh ngăn cách riêng biệt với bệnh viện.

- Bố trí sân vườn bồn hoa tạo không gian cảnh quan xanh sạch đẹp, gần gũi với thiên nhiên, giúp tinh thần người bệnh thêm phần lạc quan và yên tâm, tin tưởng vào đội ngũ y bác sĩ và công tác chẩn đoán, chăm sóc và điều trị bệnh.

4.2.2. Khu ở tái định cư

Quy hoạch khống chế các chỉ tiêu sử dụng đất phù hợp với yêu cầu của cấu trúc chung khu bệnh viện: Chiều cao tối đa 20 m. Mật độ xây dựng tối đa 90%. Hình thức kiến trúc mái dốc, khuyến khích khai thác kiến trúc truyền thống, sử dụng vật liệu địa phương truyền thống như gạch, ngói, gỗ, đá... Hạn chế không sử dụng các vật liệu bề mặt lớn bằng tôn, nhôm, kính, nhựa...Màu sắc mặt đứng công trình phù hợp với tông màu chung của kiến trúc bệnh viện.

5. Quy hoạch sử dụng đất

Tổng diện tích quy hoạch: **13,68ha**. Cụ thể:

TT	Tên loại đất	Diện tích (m ²)	Số tầng	Tỷ lệ (%)
I	Đất ở tái định cư	19.078		13,9
II	Đất xây dựng bệnh viện	15.969		11,7
1	Khoa cấp cứu, khám và điều trị ngoại trú	2.630	3	

2	Khu hành chính, kỹ thuật nghiệp vụ, khoa U bướu	2.665	7	
3	Khu điều trị nội trú (03 dãy nhà)	3.776	6	
4	Nhà thường trực (5 nhà)	40	1	
5	Khoa truyền nhiễm + lao	630	4	
6	Nhà tang lễ	1.763	1	
7	Khoa dinh dưỡng, dịch vụ	900	2	
8	Nhà lưu trú	360	2	
9	Trạm biến áp	100	1	
10	Khu xử lý rác thải y tế	144	1	
11	Khu xử lý nước thải	400	1	
12	Nhà xe máy cho khách	720	1	
13	Nhà để xe máy cho CBNV	720	1	
14	Nhà hành lang cầu	576		
15	Nhà để xe ô tô cơ quan	195	1	
16	Nhà Trung tâm điều khiển kỹ thuật điện, nước, khí	350	2	
III	Đất cây xanh, hạ tầng kỹ thuật			
1	Diện tích mặt nước (ao, hồ, bể non bộ...)			0,8
2	Diện tích cây xanh, bồn hoa, thảm cỏ			13,2
3	Diện tích làm kè đá			7,2
4	Diện tích sân bãi, đường giao thông			36,4
IV	Đất dự trữ phát triển	2,75		8,7
	Tổng diện tích đất quy hoạch	13,68		100,0

6. Quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật

6.1. Chuẩn bị kỹ thuật, thoát nước mưa

6.1.1. Chuẩn bị kỹ thuật

- San nền theo nguyên tắc đảm bảo thoát nước tự chảy được thuận lợi nhất và khối lượng đào đắp đất nhỏ nhất. Cao độ khống chế san nền được xác định bám sát địa hình hiện trạng, độ dốc dọc đường đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

- Độ dốc san nền tối thiểu là 0,4% đảm bảo điều kiện thoát nước tự chảy.

- Phương án san nền: Phần lớn địa hình được giữ nguyên trạng, chủ yếu chỉ san gạt cục bộ tại chân công trình với diện tích san lấp nhỏ để đạt cao độ thiết kế cho từng khu vực, tránh tối đa việc san lấp tổng thể với khối lượng lớn

6.1.2. Thoát nước mưa

- Hướng thoát: Thoát nước theo địa hình, đầu nối ra hệ thống thoát nước chung của thành phố (đầu nối ra hệ thống thoát nước dọc đường QL 6).

- Hệ thống thoát nước mưa: Thiết kế hệ thống thoát nước mưa riêng. Hệ thống thoát nước sử dụng mương xây nắp đan dễ thi công, phù hợp với địa hình miền núi, kích thước mương 500x800mm. Dựa theo độ dốc đường và san nền bố trí tuyến cống thoát nước dọc theo các tuyến đường, nước mưa trên mặt đường được thu vào ga thu nước trên lòng đường với khoảng cách từ 40 đến 50m/ga dọc theo hai bên đường. Các tuyến cống qua đường sử dụng rãnh xây nắp đan BTCT 500x800mm.

6.2. Giao thông

Hệ thống giao thông được phân chia thành các trục đường chính, đường nội bộ; quy mô mặt cắt ngang phần mặt đường được tính toán như sau:

- Đường trục chính có mặt cắt 1-1: $B_n = 16,5\text{m}$; $B_m = 7,5\text{m}$; Vĩa hè: $2 \times 4,5\text{m}$; $L = 1.345\text{m}$.

- Đường nhánh có mặt cắt 2-2: $B_n = 10,5\text{m}$; $B_m = 5,5\text{m}$; Vĩa hè: $2 \times 2,5\text{m}$; $L = 462\text{m}$.

6.3. Cấp nước

- Tiêu chuẩn dùng nước: Các chỉ tiêu tính toán được áp dụng theo Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam 33: 2006; Quyết định 04/2008 của Bộ xây dựng và TCVN 2622-1996: Phòng cháy chống cháy cho nhà và công trình. Tổng nhu cầu dùng nước là 455 m³/ngđ.

- Nguồn nước: Sử dụng nguồn cấp nước chung của thành phố.

- Mạng lưới cấp nước: Hệ thống đường ống chính mạng vòng khép kín. Mạng lưới cấp nước sẽ được thiết kế đồng bộ phù hợp mặt bằng bố trí công trình. Hệ thống tuyến ống cấp nước chính có kích thước từ $\Phi 75 - \Phi 32$ cấp nước sạch cho khu dân cư và bệnh viện. Tại những nút giao cắt giữa các đường ống bố trí hố van để thuận tiện cho việc quản lý và sửa chữa. Áp lực tại điểm thấp nhất trong mạng lưới đạt 10m tại thời điểm có cháy.

+ Đường ống cấp nước được đặt trên vỉa hè với độ chôn sâu tối thiểu 0,4 m. Ống nước sử dụng vật liệu là ống cao su chịu lực HDPE.

+ Trụ cứu hỏa kiểu nổi được bố trí tại các ngã ba, ngã tư đường và dọc tuyến ống với cự ly 120-150m một trụ cứu hỏa.

6.4. Cấp điện, thông tin liên lạc

6.4.1. Cấp điện

- Nguồn điện: Nguồn điện cấp cho dự án được hạ thế từ đường dây 35kV hiện có. Với nhu cầu công suất yêu cầu là 1.244 kW, dự kiến xây dựng 03 Trạm biến áp hạ thế có công suất 300KVA-35/0,4KV

- Xây dựng phương án di chuyển đường dây 110kV hiện có ra khỏi ranh giới xây dựng bệnh viện.

- Lưới điện: Lưới cáp điện hạ áp từ các trạm phân phối đến các tủ chứa công tơ tại đầu mỗi, được tổ chức đi ngầm trong ống luồn dây theo tiêu chuẩn dọc theo các tuyến giao thông.

6.4.2. Thông tin liên lạc

Xây dựng 1 thiết bị truy nhập DSLAM cung cấp dịch vụ internet được tích hợp qua các thiết bị NGN. Toàn bộ mạng cáp từ tổng đài tới tủ cáp mỗi bằng các sợi 200x2x0,4mm, các cáp được đi chung một hào kỹ thuật và được buộc bằng các sợi lạt, tại các vị trí uốn cáp đảm bảo thỏa mãn $R \geq 20D$ cáp. Cáp trước khi đưa vào lắp đặt phải đo thử, kiểm tra chất lượng. Toàn bộ hệ thống cáp trên được đấu nối tại các tủ cáp thông qua các phiên đấu dây (phiên Krone), không đấu trực tiếp.

6.5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

6.5.1. Thoát nước thải

- Dự báo nhu cầu lượng nước thải: Lượng nước thải là 300 m³/ngày đêm.

- Hệ thống thoát nước thải:

+ Các tuyến ống thoát nước thải sử dụng ống nhựa PVC đặt trên hè đường để thu nước thải từ các khu của bệnh viện để đưa về cụm xử lý nước thải tập trung. Các hố ga được xây dựng cách nhau từ 20-30m. Nước thải phải được xử lý đạt QCVN số 40:2011/BTNMT trước khi xả ra nguồn nước.

+ Các công trình đầu mối: Xây dựng Trạm xử lý nước thải công suất 300 m³/ngày đêm ở khu vực phía Nam nơi có địa hình thấp, đảm bảo khả năng thoát nước tự chảy cho các tuyến ống thoát nước thải.

+ Mạng lưới đường ống: Trong khu vực thiết kế các đường cống riêng tự chảy có kích thước D300-D200.

6.5.2. Vệ sinh môi trường

Rác thải sinh hoạt và rác thải y tế được phân loại tại nguồn trước khi thu gom vận chuyển đến nơi quy định. Riêng rác thải y tế phải được xử lý trước khi thải loại, tỷ lệ thu gom chất thải rắn trên 90%. Những rác thải có thể tận dụng lại sẽ mang đi tái chế, rác thải không nguy hại sẽ được thu gom tập trung tại vị trí qui định trong từng khu và được đem đi chôn lấp hoặc xử lý ở nơi khác. Rác thải y tế nguy hại được thu gom riêng và áp dụng mô hình xử lý tại chỗ theo hướng áp dụng công nghệ hiện đại, dễ vận hành và thân thiện môi trường.

7. Thiết kế đô thị

7.1. Công trình điểm nhấn trong khu vực quy hoạch theo các hướng tầm nhìn

- Khối nhà khoa cấp cứu, khám và điều trị ngoại trú: Thiết kế 4 tầng; được bố trí tại vị trí thuận tiện nhất - đối diện Cổng chính của Bệnh viện, đáp ứng nhu cầu thoát người và có giao thông thuận tiện với các khu Kỹ thuật nghiệp vụ và khu điều trị nội trú. Các khoa trong khối chức năng này được bố trí sảnh đón tiếp bệnh nhân riêng biệt, hành lang riêng - đảm bảo giao thông trong khối công trình không chằng chéo.

- Khối điều trị nội trú được bố trí tại phía sau Khối nhà khoa cấp cứu, khám và điều trị ngoại trú; gồm 03 khối nhà 7 tầng song song nhau và được nối liền với khối khám bệnh, cấp cứu và khối kỹ thuật nghiệp vụ bằng hệ thống hành lang cầu 4-6 tầng.

- Khối Hành chính - Kỹ thuật nghiệp vụ: Được quy hoạch tại vị trí trung tâm khu đất, đối diện Khối điều trị nội trú; được thiết kế 7 tầng. Khối chức năng này được liên hệ mật thiết với các khối chức năng khác bằng hệ thống hành lang cầu 4-6 tầng.

7.2. Không gian ngoài trời

- Thiết kế mặt đứng của các công trình sao cho phù hợp với công trình lân cận, tạo được mặt đứng thống nhất về kiến trúc, cùng với nó là yếu tố màu sắc, ánh sáng cũng phải phù hợp thống nhất cách trang trí, hàng rào cây xanh, bồn hoa. Tuân thủ chỉ giới xây dựng, nhịp điệu kiến trúc phong phú, kết hợp vật liệu địa phương, phong cách kiến trúc truyền thống mang đậm đà bản sắc dân tộc.

- Khối tích và kích thước công trình được thiết kế mạch lạc, hiện đại.

7.3. Xác định chiều cao xây dựng công trình

- Phân bổ chiều cao công trình chia làm 02 loại:

+ Công trình bệnh viện: Chiều cao tối đa 45 m.

+ Khu ở tái định cư: Chiều cao tối đa 20 m.

- Chiều cao xây dựng công trình từng lô đất được quy định theo bản vẽ TKĐT trên cơ sở tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng và ý tưởng cảnh quan chung.

7.4. Xác định hình khối, màu sắc, hình thức kiến trúc chủ đạo của các công trình

- Bố cục mặt đứng công trình có tỷ lệ thích hợp theo chiều đứng và chiều ngang. Tạo ra hình khối kiến trúc công trình đẹp, có tính thẩm mỹ cao, bố cục tổng thể được cảm nhận từ xa và khi đến gần sự cảm nhận bằng mặt đứng kiến trúc và những chi tiết của công trình.

- Thiết kế các công trình theo hai phong cách dân tộc và hiện đại: Phong cách dân tộc tạo ra các không gian với những công trình mang phong cách truyền thống, màu sắc nhẹ nhàng, ấm áp. Phong cách hiện đại tạo ra những điểm nhấn khu vực. Thiết kế màu sắc nổi trội, đặc trưng và gây ấn tượng.

7.5. Hệ thống cây xanh

- Bố trí các dải cây xanh, mặt nước xen giữa các khu chức năng nhằm cải thiện môi trường và làm đẹp mỹ quan tổng thể khu vực. Lựa chọn loại cây xanh phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng, không trồng các loại cây hoa, quả thu hút ruồi, muỗi và côn trùng...

- Tổ chức, phân công nhiệm vụ cụ thể, trồng mới và chăm sóc cây xanh, tránh các hiện tượng lấn chiếm, xây dựng trái phép. Khi xây dựng các công trình

kiến trúc cần tuân thủ cốt không chế san nền trong bản vẽ chuẩn bị kỹ thuật tránh san đào tự do, phá vỡ định hướng bố cục không gian kiến trúc quy hoạch.

7.6. Hệ thống tiện ích đô thị

- Biển chỉ dẫn bố trí tại những nơi giao cắt hay những nơi có các điểm nổi bật giúp cho người đi lại có thể biết được thông tin khi tham gia giao thông. Thống nhất màu sắc, kiểu dáng, cách thức đặt biển, màu sắc tương phản như màu xanh lam chữ trắng.

- Đèn chiếu sáng đặt tại các vị trí có hiệu quả đặc biệt vào buổi tối làm nổi bật ngôi trường. Sự tương phản sẽ tạo ra cảm giác huyền ảo trong những khóm lá hay lung linh trên mặt hồ. Bố trí đèn chiếu sáng trong khuôn viên, tiểu cảnh phải đủ cường độ sáng cho người đi lại trong những nơi đông người sinh hoạt.

- Đèn trang trí và đèn hắt rọi bố trí làm nhấn mạnh các công trình kiến trúc hay những biển chỉ dẫn, tranh tuyên truyền cổ động. Các loại đèn này nên sử dụng phong phú về kiểu dáng cũng như màu sắc.

- Đặt thùng rác tại các vị trí thuận tiện cho người sử dụng tạo ý thức cộng đồng nơi công cộng văn minh lịch sự không vứt rác bừa bãi. Thùng rác bố trí tại các không gian công cộng và không gian sinh hoạt, đặt cách nhau 20- 50m, được thiết kế có hình dáng, kích thước, màu sắc phù hợp, ưa nhìn, thuận lợi cho việc lấy rác, không gây ô nhiễm, không gây ảnh hưởng tới cảnh quan.

8. Về phương án bồi thường, GPMB

- Công tác di dời giải phóng mặt bằng tuân thủ theo các qui định của Luật Đất đai và các qui định về thủ tục thu hồi, đền bù giải tỏa và giao thuê đất của Nhà nước.

- Kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng:

+ Kinh phí bồi thường, GPMB khu bệnh viện: Được tính trong tổng mức đầu tư xây dựng dự án Bệnh viện đa khoa 500 giường.

+ Kinh phí bồi thường, GPMB khu ở TĐC: Nguồn ngân sách tỉnh.

9. Đánh giá môi trường chiến lược

9.1. Đánh giá hiện trạng môi trường khu vực lập quy hoạch và tác động của dự án đến môi trường.

9.2. Các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực

- Địa hình cảnh quan: Trồng cây xanh theo quy hoạch để tăng cường bảo vệ môi trường.

- Bảo vệ môi trường không khí và tiếng ồn: Có các biện pháp thi công tối ưu để hạn chế tối đa việc rơi vãi vật liệu xây dựng, phát sinh bụi, tiếng ồn.

- Xử lý chất thải rắn: Bố trí đủ các thùng rác tại các vị trí thích hợp. Tổ chức thu gom vận chuyển chất thải rắn về khu xử lý rác tập trung tại khu vực Chiềng Ngần. Rác thải y tế nguy hại được thu gom riêng và áp dụng mô hình xử lý tại chỗ theo hướng áp dụng công nghệ hiện đại, dễ vận hành và thân thiện môi trường.

- Ngoài các quy định nêu trên, các quy định khác vẫn tuân thủ theo quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.

10. Kinh phí đầu tư

10.1. Tổng kinh phí đầu tư

Tổng kinh phí đầu tư xây dựng dự kiến khoảng 1.300 tỷ đồng. Dự án được thực hiện từ năm 2017 đến năm 2020 và được chia làm các giai đoạn thực hiện:

- Thời gian chuẩn bị dự án: Quý I và II năm 2017.

- Thời gian thực hiện dự án: Bắt đầu đầu tư từ quý II năm 2017 đến năm 2020 hoàn thành dự án (sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư).

10.3. Đề xuất nguồn vốn thực hiện: Vốn trái phiếu chính phủ, vốn ngân sách tỉnh và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Chủ đầu tư phối hợp với đơn vị tư vấn hoàn thiện hồ sơ được duyệt (có dấu xác nhận thẩm định của các cơ quan liên quan), chuyển giao cho các cơ quan quản lý cấp tỉnh, cấp huyện theo quy định hiện hành. Tổ chức công bố, công khai đồ án quy hoạch, cấm mốc giới quy hoạch và trình ban hành điều lệ quản lý quy hoạch.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Y tế, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giao thông Vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Sơn La; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *15*

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- VP UBND tỉnh (LĐ, đ/c Quân);
- Lưu VT, TH, KG-VX, NC, Quý-KT, 30b.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Đức Hải